

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên Chương trình: **Thương mại điện tử (Electronic Commerce)**
Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin trong Thương mại điện tử**
Mã ngành: **52480201**
Trình độ đào tạo: **Đại học (Cử nhân)**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

*(Ban hành tại Quyết định số /QĐ-ĐHKG, ngày tháng năm 2015
của Hiệu trưởng trường Đại học Kiên Giang)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình cử nhân Công nghệ thông tin (CNTT) trong Thương mại điện tử cung cấp cho sinh viên một môi trường và những hoạt động giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản và cần thiết nhằm đạt được những kiến thức năng lực về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đào tạo cử nhân ngành CNTT trong thương mại điện tử cung cấp cho xã hội đội ngũ chuyên môn khoa học có phẩm chất chính trị tốt, có bản lĩnh chuyên môn và các lĩnh vực chuyên sâu về CNTT trong thương mại điện tử nhằm đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Sinh viên sau khi ra trường có khả năng nghiên cứu độc lập, tham gia tư vấn, tham mưu phát triển ứng dụng CNTT trong mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tự bồi dưỡng và tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

- ✓ Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân;
- ✓ Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật;

- ✓ Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp;
- ✓ Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ;
- ✓ Có đủ sức khỏe để làm việc.

1.2.2. Kiến thức

- ✓ Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- ✓ Vận dụng được kiến công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào chuyên ngành đã đào tạo;
- ✓ Trình độ ngoại ngữ: đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra theo quy định của Bộ GD&ĐT;
- ✓ Vận dụng được các vấn đề đương đại và định hướng tương lai liên quan đến lĩnh vực chuyên môn;
- ✓ Vận dụng được các kiến thức chuyên môn sau:
 - Các kiến thức cơ sở về toán chuyên ngành công nghệ thông tin; lập trình máy tính và phát triển phần mềm; các công cụ ứng dụng trong công tác văn phòng, kỹ thuật. Có kiến thức về dữ liệu, thông tin, và tri thức.
 - Các kiến thức, công cụ phù hợp để quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực thực tế xã hội đòi hỏi.
 - Có kiến thức về thương mại điện tử, bán hàng, thanh toán, luật về thương mại, marketing và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế...
 - Có kiến thức về quản lý nguồn tài nguyên, phân tích - thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu, phát triển Công nghệ Web, Khai thác dữ liệu, truyền và lưu trữ dữ liệu số, ứng dụng công nghệ Mạng máy tính, An toàn và bảo mật thông tin, Cơ sở tính toán thông minh...
 - Có khả năng thiết kế các giải pháp sử dụng công nghệ thông tin để nâng cao khả năng lãnh đạo, quản lý của cơ quan / tổ chức.

1.2.3. Kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp:

- ✓ Lập trình và sử dụng ngôn ngữ lập trình để quản trị dữ liệu, phát triển các ứng dụng web phục vụ hoạt động thương mại

- ✓ Sử dụng tư duy giải thuật để phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong quá trình xây dựng phần mềm và các lĩnh vực đòi hỏi trong cuộc sống.
- ✓ Thu thập, tìm hiểu, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác xây dựng dự án CNTT và phát triển phần mềm, phát minh, thực nghiệm và xây dựng các giải pháp mới đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế về CNTT và truyền thông tiên tiến.
- ✓ Tích hợp hệ thống, xử lý dữ liệu phục vụ các bài toán thống kê, xử lý, nhận dạng dữ liệu ảnh, tiếng nói...
- ✓ Phân tích, thiết kế, cài đặt, bảo trì quản lý và khai thác các hệ thống mạng truyền thông máy tính, bảo mật dữ liệu và phục hồi hệ thống.
- ✓ Xử lý dữ liệu mơ hồ, không chắc chắn, hệ hỗ trợ dự báo, ra quyết định thông qua chương trình trên máy tính phục vụ công tác quản lý, điều hành, dịch vụ xã hội...

Kỹ năng mềm:

- ✓ Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và cộng đồng.
- ✓ Giao tiếp và truyền đạt tốt thông tin trong chuyên môn.
- ✓ Thu thập và xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn.
- ✓ Sử dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ phục vụ chuyên môn và quản lý.
- ✓ Quản lý và lãnh đạo nhóm.

1.2.4 Nơi làm việc:

Sinh viên tốt nghiệp ngành có thể làm việc tại các cơ sở sau:

- ✓ Các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước; Công ty phần mềm (nghiên cứu, thiết kế, gia công, kiểm định phần mềm, kinh doanh sản phẩm công nghệ thông tin, các cơ sở tư vấn xây dựng các dự án CNTT về hệ thống thông tin; thiết kế, xây dựng, quản trị mạng, an ninh mạng; thiết kế web; xử lý ảnh...); các công ty thương mại...
- ✓ Các cơ sở đào tạo chuyên viên nghiên cứu và ứng dụng CNTT ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu...;
- ✓ Các đơn vị thông tin và truyền thông...

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 134 tín chỉ (*Không bao gồm 14 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh*)

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức Bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	38	28.36	36	31.86	2	9.52
II. Kiến thức cơ sở ngành	33	24.63	33	29.20	0	0.00
III. Kiến thức chuyên ngành	53	39.55	44	38.94	9	42.86
VI. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	7.46		0.00	10	47.62
Cộng	134	100	113	100	21	100

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu có đủ điều kiện sau đây đều có thể dự tuyển vào ngành Kế toán:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định tại Thông tư Liên Bộ Y Tế - Đại học, THCN & DN số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ GD&ĐT.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

Theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKG ngày 22/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

6. THANG ĐIỂM: tính theo thang điểm 4 (từ 0 ÷ 4)

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

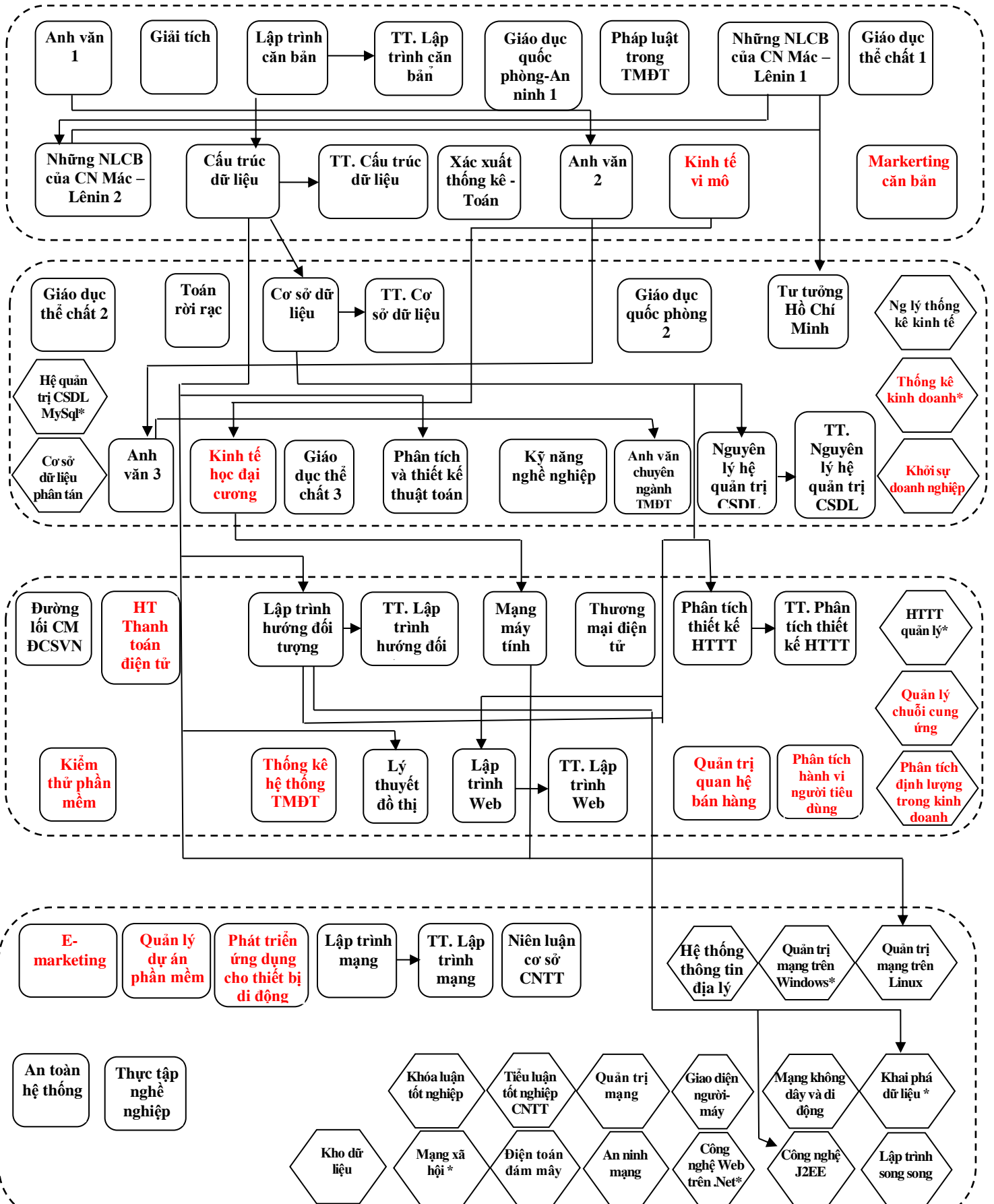
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Ghi chú
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	A05006	Giáo dục quốc phòng-an ninh 1	5	5		75			
2	A05007	Giáo dục quốc phòng-an ninh 2	3	3		15	45	A25006	
3	A05008	Giáo dục thể chất 1	2	2			30		

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Ghi chú
4	A05009	Giáo dục thể chất 2	2	2			30	A05008	
5	A05010	Giáo dục thể chất 3	2	2			30	A05008	
6	F05010	Anh văn 1	3	3		45			
7	F05011	Anh văn 2	3	3		45		F05010	
8	F05012	Anh văn 3	3	3		45		F05011	
9	B06003	<i>Nguyên lý thống kê kinh tế</i>	3			45			
10	B08011	<i>Thống kê trong kinh doanh</i>	2		2	30			
11	B08019	<i>Khởi sự doanh nghiệp</i>	2			30			
12	A05001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2		30			
13	A05002	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3		45		A05001	
14	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		A05002	
15	A05004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		A05003	
16	G05072	Pháp luật trong thương mại điện tử	2	2		30			
17	A05026	Giải tích	3	3		45			
18	G05095	Kỹ năng nghề nghiệp	2	2		30			
19	A05027	Xác suất thống kê-Toán	3	3		45			
20	B06001	Kinh tế vi mô	3	3		45			
21	G05091	Lập trình căn bản	3	3		45			
22	G05005	TT. Lập trình căn bản	1	1			30	G05091	
Cộng : 38 TC (bắt buộc 36 TC, tự chọn 2 TC)									
<i>(Không bao gồm 14 TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)</i>									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
23	G06006	Toán rời rạc	3	3		45			
24	G06007	Cấu trúc dữ liệu	3	3		45		G05091	
25	G06008	TT. Cấu trúc dữ liệu	1	1			30	G26007	
26	B06039	Quản trị quan hệ bán hàng	3	3		45			
27	G06011	Mạng máy tính	2	2		30		G06009	
28	G06009	Kiến trúc máy tính	3	3		45			

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Ghi chú
29	G06014	Lập trình hướng đối tượng	2	2		30		G05091	
30	G06015	TT. Lập trình hướng đối tượng	1	1			30	G06014	
31	G26016	Lý thuyết đồ thị	3	3		30	30	G06007	
32	G06017	Phân tích và thiết kế thuật toán	2	2		30		G06007	
33	G06092	Cơ sở dữ liệu	3	3		30		G06007	
34	G06020	TT. Cơ sở dữ liệu	1	1			30	G06092	
35	B06005	Marketing căn bản	3	3		45			
36	G06024	Anh văn chuyên ngành CNTT	3	3		45			
Cộng : 33 TC bắt buộc									
Khối kiến thức chuyên ngành									
37	G07025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	2		30		G06092	
38	G07026	TT.Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	1	1			30	G07025	
39	B06030	Hệ thống thanh toán điện tử	2	2		30			
40	G06071	Kiểm thử phần mềm	2	2		30			
41	B07085	Thống kê hệ thống thương mại điện tử	3	3		45			
42	B07083	Phân tích hành vi người tiêu dùng	3	3		45			
43	B07084	E-Marketing	3	3		45			
44	G27032	An toàn hệ thống	3	3		30	30		
45	G07067	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động	3	3		30	30		
46	G07089	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	2		30		G06092	
47	G07090	TT.Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1	1			30		
48	G07096	<i>Cơ sở dữ liệu phân tán</i>	3			30	30		
49	G07094	<i>Hệ quản trị CSDL Oracle</i>	3		3	30	30		
50	G08057	<i>Quản lý dự án phần mềm</i>	3	3		45			
51	G28053	<i>Thương mại điện tử- CNTT</i>	3	3		45			
52	G07069	<i>Quản trị mạng trên Linux</i>	3			30	30	G05091	
53	G07040	<i>Quản trị mạng trên windows</i>	3		3	30	30	G06011	
54	G27037	Hệ thống thông tin địa lý	2			30		G06092,	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Ghi chú
								G07025	
55	G27038	TT.Hệ thống thông tin địa lý	1				30	G27037	
56	G27042	Lập trình mạng	2	2		30		G06011	
57	G27043	TT. Lập trình mạng	1	1			30	G27042	
58	B06038	<i>Phân tích định lượng trong kinh doanh</i>	3		3	45	0		
59	B06045	<i>Quản lý chuỗi cung ứng</i>	3			45	0		
60	G07070	<i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	3			45	0		
61	G07047	Lập trình Web	2	2		30		G06092	
62	G07048	TT. Lập trình Web	1	1			30		
63	G27049	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4	4			90	≥80 TC	
64	G27050	Niên luận cơ sở	3	3			90	≥ 120 TC	
65	G28051	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10		10		300	≥ 120 TC	
66	G28052	<i>Tiểu luận tốt nghiệp – CNTT</i>	4				120	≥ 120 TC	
67	G07041	<i>Quản trị mạng</i>	3			30	30		
68	G28054	<i>Giao diện người – máy</i>	3			30	30		
69	G08055	<i>Mạng không dây và di động</i>	2			30			
70	G28065	<i>Khai phá dữ liệu (Data Mining)</i>	3			30	30		
71	G27027	<i>Điện toán đám mây</i>	2			30	30	G26013	
72	G08058	<i>An ninh mạng</i>	3			30	30	G06011	
73	G08059	<i>Công nghệ Web</i>	3			30	30		
74	G08062	<i>Công nghệ J2EE</i>	2			15	30	G06014	
75	G28061	<i>Lập trình song song</i>	3		30	30			
76	G08063	<i>Mạng xã hội</i>	2		30				
77	G08064	<i>Kho dữ liệu</i>	2		30				
Cộng : 63 TC (Bắt buộc: 44 TC; Tự chọn: 19 TC)									
Tổng cộng toàn khóa: 134 TC (Bắt buộc: 113 TC; Tự chọn: 21 TC)									
<i>(Không bao gồm 14 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)</i>									

SƠ ĐỒ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH



Học kỳ	MHP	Tên học phần	Tín chỉ
1 14TC	F05010	Anh văn 1	3
	A05027	Giải tích	3
	G05091	Lập trình căn bản	3
	G05005	TT. Lập trình căn bản	1
	A05006	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	-
	G05072	Pháp luật trong thương mại điện tử	2
	A05001	Những NL cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2
	A05008	Giáo dục thể chất 1 (điền kinh)	-
2 19TC	A05002	Những NL cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
	G06007	Cấu trúc dữ liệu	3
	G06008	TT. Cấu trúc dữ liệu	1
	A05027	Xác suất thống kê-Toán	3
	G06009	Kiến trúc máy tính	3
	F05011	Anh văn 2	3
	B06005	Marketing căn bản	3
3 16TC	A05009	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền/ Bóng đá)	-
	G06006	Toán rời rạc- CNTT	3
	B06001	Kinh tế vi mô	3
	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	G06092	Cơ sở dữ liệu	3
	G06020	TT. Cơ sở dữ liệu	1
	A05007	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	-
	G06011	Mạng máy tính	2
	Học phần tự chọn		2
	B06003	<i>Nguyên lý thống kê kinh tế</i>	2
	B06044	<i>Thống kê kinh doanh (***)</i>	2
	B06043	<i>Khởi sự doanh nghiệp</i>	2
4 18TC	F05012	Anh văn 3	3
	A05010	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội/ Cầu lông)	-
	G06017	Phân tích và thiết kế thuật toán	2
	G05095	Kỹ năng nghề nghiệp	2
	G06014	Lập trình hướng đối tượng	2
	G06015	TT.Lập trình hướng đối tượng	1

	G06024	Anh văn chuyên ngành CNTT	3
	G07089	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2
	G07090	TT. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1
	B06030	Hệ thống thanh toán điện tử	2
5 18 TC	A05004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3
	B07083	Phân tích hành vi người tiêu dùng	3
	G07047	Lập trình Web	2
	G07048	TT. Lập trình Web	1
	G26016	Lý thuyết đồ thị	3
	G28053	Thương mại điện tử -CNTT	3
	G07025	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2
	G07026	TT. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	1
6 17TC	G06071	Kiểm thử phần mềm	2
	B07085	Thống kê hệ thống thương mại điện tử	3
	B07084	E – marketing	3
	B06039	Quản trị quan hệ bán hàng	3
	Học phần tự chọn		6
	G07096	<i>Cơ sở dữ liệu phân tán</i>	3
	G07094	<i>Hệ quản trị CSDL Oracle</i>	3
	B06038	<i>Phân tích định lượng trong kinh doanh</i>	3
	B06045	<i>Quản lý chuỗi cung ứng</i>	3
	G07070	<i>Hệ thống thông tin quản lý</i>	3
7 19TC	G27049	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4
	G07067	Phát triển ứng dụng cho thiết bị di động	3
	G07068	Quản lý dự án phần mềm	3
	G27042	Lập trình mạng	2
	G27043	TT. Lập trình mạng	1
	G27050	Niên luận cơ sở - CNTT	3
	Học phần tự chọn		3
	G27037	<i>Hệ thống thông tin địa lý</i>	2
	G27038	<i>TT.Hệ thống thông tin địa lý</i>	1
	G07040	<i>Quản trị mạng trên windows (***)</i>	3
	G07069	<i>Quản trị mạng trên linux</i>	3
	G27032	An toàn hệ thống	3
	Học phần tự chọn		10

8 13 TC	G28051	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	10
	G28052	<i>Tiểu luận tốt nghiệp – CNTT</i>	4
	G07041	<i>Quản trị Mạng</i>	3
	G28054	<i>Giao diện người – máy</i>	3
	G08055	<i>Mạng không dây và di động</i>	2
	G08056	<i>Khai phá dữ liệu (***)</i>	2
	G27027	<i>Điện toán đám mây</i>	3
	G08058	<i>An ninh mạng</i>	3
	G08059	<i>Công nghệ Web trên .Net (***)</i>	3
	G08062	<i>Công nghệ J2EE</i>	2
	G28061	<i>Lập trình song song</i>	3
	G08063	<i>Mạng xã hội (***)</i>	2
	G08064	<i>Kho dữ liệu</i>	2

Tổng cộng toàn khóa: 134 tín chỉ

(Không kể 14 tín chỉ học phần Giáo dục quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất)

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Quyết định số 22/QĐ-ĐHKG ngày 20/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 134 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh và giáo dục thể chất) được phân bố trong 8 học kỳ. Chương trình được biên soạn trên cơ sở Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Sinh viên tùy theo năng lực, sở trường của mình để sắp xếp bố trí tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm và đạt theo qui định. Các học phần nhóm kiến thức giáo dục chuyên nghiệp sẽ được áp dụng phương pháp đánh giá theo qui chế hiện hành, theo hướng áp dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá tiên tiến. Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh những học phần không nằm trong quy định bắt buộc của Bộ GD&ĐT cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và đất nước.

HIỆU TRƯỞNG

**HỘI ĐỒNG KH & ĐT
CHỦ TỊCH**

Ngày 10 tháng 07 năm 2018

**KHOA TT & TT
TRƯỞNG KHOA**